

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2019/DS-ST
Ngày: 18/11/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Hưng.

2/ Ông Nguyễn Văn Trước

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa: Không tham gia

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Thôi Thị Kim L**, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số 183 Nguyễn Chí Thanh, phường 5, TP. V, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thôi Thị Kim L là ông Lê Văn M, sinh năm 1944 (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/5/2019).

Địa chỉ: Số 9 Nguyễn Văn Trỗi, phường 1, TP. V, tỉnh Vĩnh Long

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: 202/12 ấp H, xã T, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông **Nguyễn Tấn L**, sinh năm 1934 (Chết tháng 01/2016)

* Người kế thừa của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1939 (vắng mặt)

Chị **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Anh **Nguyễn Hữu N**, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Chị **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Anh **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 202/12 ấp H, xã T, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn M trình bày:

Ngày 01/02/2018 bà Thôi Thị Kim L và anh Nguyễn Hữu T có ký hợp đồng vay tiền, phía bà L cho anh T vay số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, thời hạn vay là 05 tháng kể từ ngày 01/02/2018 đến ngày 01/7/2018 thì phía anh T phải trả tất vốn và lãi cho bà L. Trong thỏa thuận hợp đồng vay tiền ngày 01/02/2018, anh T có thể chấp cho bà L một Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số đăng ký VL-6034 do anh Nguyễn Hữu T đứng tên chủ phương tiện (bản gốc) và một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AM 602832 do ông Nguyễn Tấn L đứng tên (bản gốc) để đảm bảo số tiền vay 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Khi đến hạn, anh T đã không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả lại tổng số tiền gốc và lãi cho bà L. Nay bà Thôi Thị Kim L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Hữu T có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà L số tiền nợ gốc là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi 1,5%/tháng tính từ ngày 01/02/2018 đến ngày 01/5/2019 là 15.750.000đ. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 85.750.000đ (Tám mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại Biên bản hòa giải ngày 21/8/2019, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn M thay đổi yêu cầu tính lãi đối với bị đơn anh Nguyễn Hữu T. Cụ thể bà L yêu cầu mức lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày 01/02/2018 đến ngày 01/8/2019 là 18 tháng x 70.000.000đ x 0,75%/tháng = 9.450.000đ. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 79.450.000đ (Bảy mươi chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi xét xử sơ thẩm.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Hữu T, người kế thừa của người có quyền lợi nghĩa vụ L quan bà Trần Thị T, chị Nguyễn Thị Ngọc H, anh Nguyễn Hữu N, chị Nguyễn Hữu T, anh Nguyễn Hữu T vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ và cũng không gửi bản khai ý kiến cho Tòa án.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn M trình bày: Bà Thôi Thị Kim L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Hữu T có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà L số tiền nợ gốc là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi 0,75%/tháng tính từ ngày 01/02/2018 đến ngày 18/11/2019 là 21 tháng 17 ngày x 70.000.000đ x 0,75%/tháng = 11.322.500đ. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 81.322.500đ (Tám mươi một triệu ba trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng).

- Bị đơn anh Nguyễn Hữu T, người kế thừa của người có quyền lợi nghĩa vụ L quan bà Trần Thị T, chị Nguyễn Thị Ngọc H, anh Nguyễn Hữu N, chị Nguyễn Hữu T, anh Nguyễn Hữu T vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Thôi Thị Kim L do ông Lê Văn M là người đại diện có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long giải quyết buộc bị đơn anh Nguyễn Hữu T có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà L số tiền nợ gốc là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi 1,5%/tháng tính từ ngày 01/02/2018 đến ngày 01/5/2019 là 15.750.000đ. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 85.750.000đ (Tám mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi xét xử sơ thẩm. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu T, người kế thừa của người có quyền lợi nghĩa vụ L quan bà Trần Thị T, chị Nguyễn Thị Ngọc H, anh Nguyễn Hữu N, chị Nguyễn Hữu T, anh Nguyễn Hữu T vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Hữu T, bà Trần Thị T, chị Nguyễn Thị Ngọc H, anh Nguyễn Hữu N, chị Nguyễn Hữu T, anh Nguyễn Hữu T.

Đình chỉ giải quyết đối với số tiền lãi chênh lệch là 4.427.500đ (Bốn triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng) so với yêu cầu tính lãi theo đơn khởi kiện ban đầu.

[2] Về nội dung:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn Bà Thôi Thị Kim L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Hữu T có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà L số tiền nợ gốc là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi 0,75%/tháng tính từ ngày 01/02/2018 đến ngày 18/11/2019 là 21 tháng 17 ngày x 7.000.000đ x 0,75%/tháng = 11.322.500đ. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 81.322.500đ (Tám mươi một triệu ba trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng), Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù phía bị đơn anh Nguyễn Hữu T vắng mặt nhưng qua lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay cho thấy vào ngày 01/02/2018, bà Thôi Thị Kim L và anh Nguyễn Hữu T đã lập hợp đồng vay tiền với số tiền vay là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) là sự thật, phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là hợp đồng vay tiền ngày 01/02/2018 và giấy nhận tiền có chữ ký và ghi họ tên Nguyễn Hữu T đồng thời bị đơn cố tình vắng mặt nhằm kéo dài thời gian trả nợ chứng tỏ bị đơn có nợ của nguyên đơn do đó cần buộc bị đơn anh Nguyễn Hữu T có trách nhiệm trả cho bà Thôi Thị Kim L số tiền nợ gốc là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 464, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015 nên được chấp nhận. Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn bà Thôi Thị Kim L với số tiền là 11.322.500đ (Mười một triệu ba trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng), Hội đồng xét xử xét thấy: Mức lãi suất mà bà L yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Buộc bị đơn anh Nguyễn Hữu T nộp 5% x 81.322.500đ = 4.066.125đ (Bốn triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm hai mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Thôi Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 244 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015

- Áp dụng các Điều 318, Điều 323, Điều 463, Điều 464, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

*** Tuyên xử:**

Đình chỉ giải quyết đối với số tiền lãi 4.427.500đ (Bốn triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thôi Thị Kim L, buộc bị đơn anh Nguyễn Hữu T có trách nhiệm trả lại cho bà L tổng cộng số tiền gốc và lãi là 81.322.500đ (Tám mươi một triệu ba trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng). Buộc bà Thôi Thị Kim L hoàn trả lại cho anh Nguyễn Hữu T một Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số đăng ký VL-6034 do anh Nguyễn Hữu T đứng tên chủ phương tiện (bản gốc) và một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: AM 602832 do ông Nguyễn Tấn L đứng tên (bản gốc).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa hoàn trả đủ số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Buộc bị đơn anh Nguyễn Hữu T nộp 4.066.125đ (Bốn triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm hai mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Thôi Thị Kim L số tiền 2.144.000đ (Hai triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0002467 ngày 07/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy

ban nhân dân nơi cư trú đề yêu cầu Tòa án cấp trên trực tiếp giải quyết theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Thành